TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do – Hạnh P

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29-7-2022
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Phượng

2. Ông Nguyễn Việt Tú

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thế Vinh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Nga– Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 154/2022/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022, về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1 Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1996

Địa chỉ: khu G, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1995

Địa chỉ: Hộ khẩu thường trú: khu G, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt lần hai tại phiên Toà không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Tại đơn khởi kiện ngày 18/4/2022, tại bản tự khai ngày 26/4/2022 và trong

quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Xuân H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 17/10/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh H tại khu 6 (nay là khu G), xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ và lao động tự do. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được một năm thì mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có đánh nhau nhiều lần, anh H cầm dao doạ chém chị, mẹ chồng đuổi chị ra khỏi nhà nên chị đã về nhà bố mẹ ở xã T sinh sống đến nay. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hoà giả nH không có kết quả. Tháng 8/2018 vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không quan tâm đến nhau. Nay chị Nguyễn Thị T xác định tình cảm vợ chồng với anh H không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị T trình bày vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Xuân H, sinh ngày 16/02/2018, hiện nay đang ở với chị T và bố mẹ đẻ của chị T tại xã T. Ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi con chung yêu cầu anh H cấp dưỡng 2.000.000 đồng /tháng.

- Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, Toàn án nhân dân huyện Cẩm Khê đã triệu tập bị đơn là anh Nguyễn Xuân H nhiều lần nH anh H không đến Toà án làm việc, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Ngày 13/6/2022, Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh và thi thập chứng cứ tại UBND xã V, huyện C và lấy lời khai của mẹ đẻ của anh H là bà Ngô Thị T, bà T trình bày như sau: Sau khi anh H và chị T được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo thủ tục truyền thống thì vợ chồng anh chị về sống chung với bà tại xã V, huyện C và làm ruộng. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị hoà thuận được thời gian ngắn sau đó thường xuyên mâu thuẫn, cãi chửi nhau, chị T không tôn trọng chồng, không quan tâm, tới anh H khi ốm đau. Bà cũng đã khuyên bảo vợ chồng anh chị nhiều lần nhưng chị T cho rằng bà bênh anh H nên chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở xã Tam Sơn sinh sống từ cuối năm 2018 đến nay. Đầu Năm 2019 anh H đi Miền Nam làm ăn thi thoảng mới về thăm gia đình và anh H không nói cho bà biết hiện nay anh đang làm gì, ở đâu. Bà có nhận được giấy báo của Toà án báo anh H đến làm việc, bà có gọi điện thoại bao cho anh H biết nhưng anh H không về được. anh H có nói với bà về việc chị T xin ly hôn thì anh đồng ý nH anh không về được, Toà án muốn giải quyết như thế nào là việc của Toà án. Về con chung thì anh H đồng ý để chị T nuôi dưỡng và anh sẽ tự nguyện cấp dưỡng theo

khả năng và thu nhập của anh. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức thì anh, chị không có gì. Hiện nay anh H không về để giải quyết việc ly hôn của vơ chồng được, tôi xin nhận thay các văn bản tố tụng của Toa án giao cho anh H và có trách nhiệm thông báo về nội dụng làm việc với anh H, nếu anh H vẫn không đến Toà án thì đề nghị Toà án giải quyết việc ly hôn của anh chị theo quy định của pháp luật, bà không có ý kiến gì, bà chỉ đề nghị chị T không ngăn cản bà việc bà đến thăm cháu".

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện, chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Xuân H vắng mặt tại phiên toà không có lý do là thực hiện không đúng quy định pháp luật, gây khó khăn và kéo dài cho việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt của bị đơn là phu hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 4 điều 147; khoản 1, 2 Điều 227 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Đề nghị xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Xuân H.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Xuân H, sinh ngày 16/02/2018, Anh Nguyễn Xuân H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị T là 1.500.000 đồng/con/ tháng, kể từ tháng 7/2022 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Xuân H được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Xuân H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân H là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình". Bị đơn là anh Nguyễn Xuân H có nơi cư trú tại xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn là anh Nguyễn Xuân H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh H.

[2]. Về ý kiến, yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Xuân H đảm bảo các điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, khu dân cư, đại diện hội phụ nữ xã V cho biết: "chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Xuân H có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 17/10/2017 sau đó vợ chồng về sống với bố mẹ đẻ anh H tại khu G, xã V, huyện C. Quá trình chung sống của vợ chồng tại địa phương hoà thuận một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn đánh, cãi, chửi nhau, xúc phạm nhau. Nguyên nhân sâu xa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thì địa phương không biết. Hiện nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi anh H đi làm xa thi thoảng mới về nhà, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã Tam Sơn sinh sống, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị T xin ly hôn anh H đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người phụ nữ và trẻ em".

Căn cứ vào thực trạng chung sống của vợ chồng, thì thấy chị T và anh H đã sống ly thân từ lâu, mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nH không có kết quả, chị T xin ly hôn anh H đồng ý nhưng không đến Toà án để giải quyết việc ly hôn của vợ chồng mà để kệ chị T muốn làm thế nào thì tự làm. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên việc chị T xin ly hôn anh H là phù hợp và cần chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Quá trình thu thập chứng cứ thấy rằng kể từ khi vợ chồng sống ly thân con chung của anh chị là cháu Nguyễn Xuân H do chị T và bố mẹ đẻ

chị T giúp đỡ trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng. Để không ảnh hưởng và không làm sáo trộn cuộc sống của cháu nên cần giao con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với thực trạng chung sống của vợ chồng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Qua xác minh tại địa phương về thu nhập bình quân đầu người ở địa phương theo báo cáo kinh tế năm 2021 là 36.500.000đồng /người/năm. Anh Nguyễn Xuân H có nghề nghiệp lao động tự do, không xác định được thu nhập cụ thể nên buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T là 1.500.000đ/con/tháng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Xuân H phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 4 điều 147; khoản 1, 2 Điều 227 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Xuân H.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Xuân H, sinh ngày 16/02/2018, Anh Nguyễn Xuân H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị T là 1.500.000 đồng/ tháng, kể từ tháng 7/2022 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Xuân H được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007848 ngày 26/4/2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị Nguyễn Thị T

đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Xuân H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4]. Chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Xuân H đều vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hợp lệ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện + tỉnh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS h.Cẩm Khê;
- UBND xã V;
- Lưu HS; VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đỗ Thị Thảo